

LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRƯỚC YÊU CẦU HỘI NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

Trần Văn Hùng

Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các ngành nghề của nền kinh tế phát triển, trong đó phải kể đến là cơ hội về việc làm cho lực lượng lao động của Việt Nam. Trên cơ sở nguồn số liệu thứ cấp thu thập từ các cơ quan ban ngành, bài viết đề cập đến cộng đồng kinh tế AEC khi được thành lập và những nội dung thừa nhận lẫn nhau về các ngành nghề trong khu vực. Bài viết cũng dựa trên những nhận định, đánh giá về thực trạng nguồn lực lao động của Việt Nam cho thấy trước yêu cầu hội nhập AEC: lực lượng lao động Việt Nam dồi dào nhưng phân bố không đồng đều, trình độ chuyên môn và năng suất lao động còn thấp so với các nước trong khu vực. Từ đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị góp phần nâng cao cơ hội việc làm và khả năng đáp ứng yêu cầu hội nhập của lao động Việt Nam.

Từ khóa: Cộng đồng kinh tế Asean, hội nhập kinh tế, Việt Nam, yêu cầu lao động.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cộng đồng kinh tế Asean (AEC) được thành lập vào cuối năm 2015. Đây được đánh giá là bước ngoặt đánh dấu sự hòa nhập sâu rộng, toàn diện của các nền kinh tế Đông Nam Á, đồng thời mở ra cơ hội, thách thức đối với mọi thành viên, đặc biệt trong lĩnh vực việc làm. Theo định hướng, AEC sẽ là một khu vực kinh tế ổn định, thịnh vượng, có khả năng cạnh tranh cao, trong đó hàng hóa, dịch vụ và đầu tư được lưu chuyển thông thoáng, kinh tế phát triển đồng đều, nghèo đói và phân hóa kinh tế - xã hội giảm bớt. Trong một thị trường thống nhất, dòng chu chuyển tự do của đội ngũ lao động có tay nghề trong ASEAN sẽ mở ra cơ hội cho tất cả mọi người và việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN giúp thị trường lao động trong ASEAN sôi động hơn, thúc đẩy tạo việc làm cho từng quốc gia thành viên. Cũng theo dự báo của ILO, khi tham gia AEC, số việc làm cho lao động Việt nam sẽ tăng lên 10,5% vào năm 2025. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội lớn đó thì tồn tại không ít những thách thức đối với lao động Việt Nam trước yêu cầu hội nhập AEC. Việc nắm bắt được những thay đổi trên thị trường lao động các nước ASEAN khi AEC thành lập là việc rất cần thiết cho doanh nghiệp cũng như người lao

động Việt Nam. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tập trung phân tích thực trạng lao động Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với lực lượng lao động Việt Nam trước yêu cầu hội nhập của AEC nhằm tận dụng những cơ hội có được từ AEC và nâng cao năng suất lao động của Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguồn số liệu

Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp, cụ thể là số liệu về lực lượng lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi, cơ cấu lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và phân theo khu vực, số lượng lao động qua đào tạo có trình độ chuyên môn kỹ thuật, năng suất lao động theo giá thực tế, năng suất lao động theo sức mua tương đương theo giá cố định 2005, thay đổi các chỉ tiêu kinh tế và thị trường việc làm ở Việt Nam khi hội nhập AEC so với bối cảnh không hội nhập năm 2025 và số liệu được thu thập từ Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Viện Năng suất Việt Nam VNPI, ADB-ILO, ASEAN Community 2015, nghiên cứu của ILO và ADB về lao động của Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp với bảng biểu đồ thị minh họa.

Sử dụng phần mềm Excel để xử lý số liệu

Số liệu được phân tích đánh giá theo chuỗi thời gian và theo tiêu chí về độ tuổi, giới tính, khu vực, trình độ chuyên môn kỹ thuật, năng suất lao động.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. AEC và những nội dung thừa nhận lẫn nhau về các ngành nghề trong khu vực

Cộng đồng Kinh tế ASEAN gồm 10 quốc gia với dân số hơn 620 triệu người, trong đó 300 triệu người tham gia lực lượng lao động. Lực lượng lao động này khi được “giải phóng”, tự do di chuyển trong thị trường chung sẽ là nhân tố cơ bản để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước thành viên. Khi chính thức thành lập, Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) sẽ thực hiện tự do luân chuyển năm yếu tố căn bản, trong đó có lao động ngành nghề. Trước mắt, trong năm 2015, có 8 ngành nghề lao động trong các nước ASEAN được di chuyển tự do thông qua các thỏa thuận công nhận tay nghề tương đương gồm: kế toán, kiến trúc, kỹ sư, nha sĩ, bác sĩ, y tá, vận chuyển và nhân viên ngành du lịch. Trong đó nhân lực phải được đào tạo chuyên môn hoặc có trình độ từ đại học trở lên, thông thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được di chuyển tự do hơn. So với toàn bộ cơ cấu nền kinh tế nước ta thì lao động nhóm này chỉ chiếm số lượng rất nhỏ (1%) tổng số lực lượng lao động. Đây là những

yêu cầu khắt khe về chuyên môn và ngoại ngữ được đặt ra đối với lao động các nước AEC nói chung và lao động Việt Nam nói riêng.

Các nước ASEAN đã thống nhất công nhận giá trị tương đương của chứng chỉ đào tạo của mỗi nước thành viên đối với tám loại nghề nghiệp trên. Song mỗi nước có quyền áp đặt những quy định của nước sở tại đối với sự dịch chuyển lao động này vào nước họ. Thí dụ như lao động đến làm việc ở Thái Lan sẽ phải trải qua kỳ thi viết bằng tiếng Thái để chứng tỏ trình độ ngôn ngữ và muốn làm việc chuyên môn ở Thái thì sẽ phải trải thêm một kỳ thi sát hạch về luật pháp Thái viết bằng tiếng Thái... Nếu các nước đưa ra những quy định riêng đối với sự tự do lao động thì đây sẽ là thách thức không nhỏ đối với lao động và việc làm cho các quốc gia khác.

3.2. Thực trạng lực lượng lao động Việt Nam

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến hết năm 2015, quy mô lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ở Việt Nam là 53,984,2 triệu người trên tổng số 91,713,3 triệu người (chiếm 58,86%). Trong số lực lượng lao động trên có 74,1% có độ tuổi từ 15 - 49 tuổi, trong đó nhóm tuổi trẻ (15 - 29 tuổi) chiếm đến 24,61% và nhóm tuổi thanh niên (15 - 24 tuổi) chiếm 14,8%. Đây là nhóm tuổi có tiềm năng tiếp thu được những tri thức mới, kỹ năng mới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của Việt Nam.

Bảng 1. Lực lượng lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên phân theo nhóm tuổi

(ĐVT: 1.000 người)

Năm	Độ tuổi			Tổng số
	15 - 24	25 - 49	50+	
2005	9.168,0	28.432,5	7.304,0	44.904,5
2006	9.727,4	29.447,7	7.063,6	46.238,7
2007	8.561,8	29.392,1	9.206,4	47.160,3
2008	8.734,3	29.973,4	9.501,9	48.209,6
2009	9.184,7	30.285,1	9.852,2	49.322,0
2010	9.245,4	30.939,2	10.208,3	50.392,9
2011	8.465,2	31.503,4	11.429,8	51.398,4
2012	7.887,8	32.014,5	12.445,7	52.348,0
2013	7.916,1	31.904,5	13.425,0	53.245,6
2014	7.585,2	32.081,0	14.081,8	53.748,0
Sơ bộ 2015	8.012,4	31.970,3	14.001,5	53.984,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Lực lượng lao động của Việt Nam khá dồi dào nhưng phân bố không đồng đều giữa các địa phương và chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn. Năm 2005, lao động từ 15 tuổi trở lên ở vùng nông thôn chiếm 74,5% và tỷ lệ này giảm xuống còn 68,7% vào năm 2015. Do ở vùng nông thôn hoạt động sản xuất nông nghiệp là

chủ yếu với diện tích đất đai rộng lớn và cần lực lượng lớn lao động nên lực lượng lao động trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ lớn và giảm xuống qua các năm do lực lượng lao động có xu hướng di chuyển từ nông thôn ra thành thị tìm việc làm mới.

Bảng 2. Cơ cấu lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và phân theo khu vực (%)

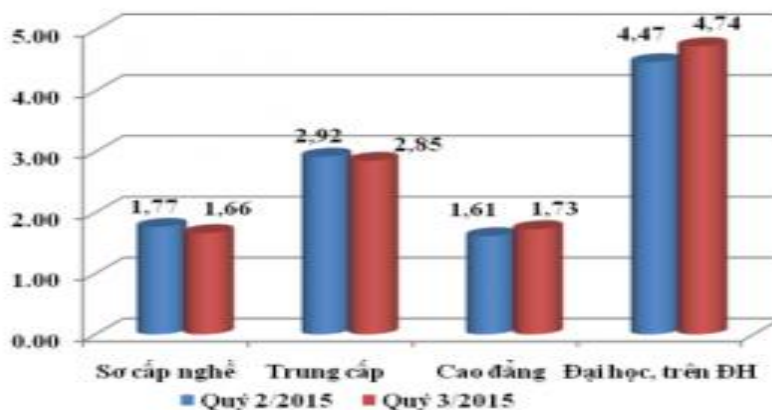
Năm	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
2005	52,3	47,7	25,5	74,5
2006	53,2	46,8	26,5	73,5
2007	50,8	49,2	26,3	73,7
2008	51,3	48,7	27,3	72,7
2009	52,0	48,0	26,9	73,1
2010	51,4	48,6	28,0	72,0
2011	51,5	48,5	29,7	70,3
2012	51,4	48,6	30,3	69,7
2013	51,4	48,6	30,1	69,9
2014	51,3	48,7	30,7	69,3
2015	51,6	48,4	31,3	68,7

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Việt Nam có nguồn lao động trẻ và dồi dào nhưng trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam đang rất thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng lao động. Đây là một thực trạng rất đáng lo ngại. Theo số liệu Điều tra Lao động - Việc làm của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lao động qua đào tạo ở Việt Nam khá thấp và không có nhiều cải thiện.

Nếu vào năm 2007, tỷ lệ qua đào tạo của lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chỉ đạt 17,4% thì vào năm 2013, con số này cũng không cải thiện nhiều với tỷ lệ 18,4%. Sự chênh lệch về chất lượng nguồn lao động được thể hiện rõ nhất là ở khu vực nông thôn và thành thị. Ở thành thị lao động đã được đào tạo chiếm 30,9%, trong khi ở nông thôn chỉ có 9%. Đây chính là một rào cản lớn cho việc cải thiện năng suất lao động.

Đơn vị: triệu người



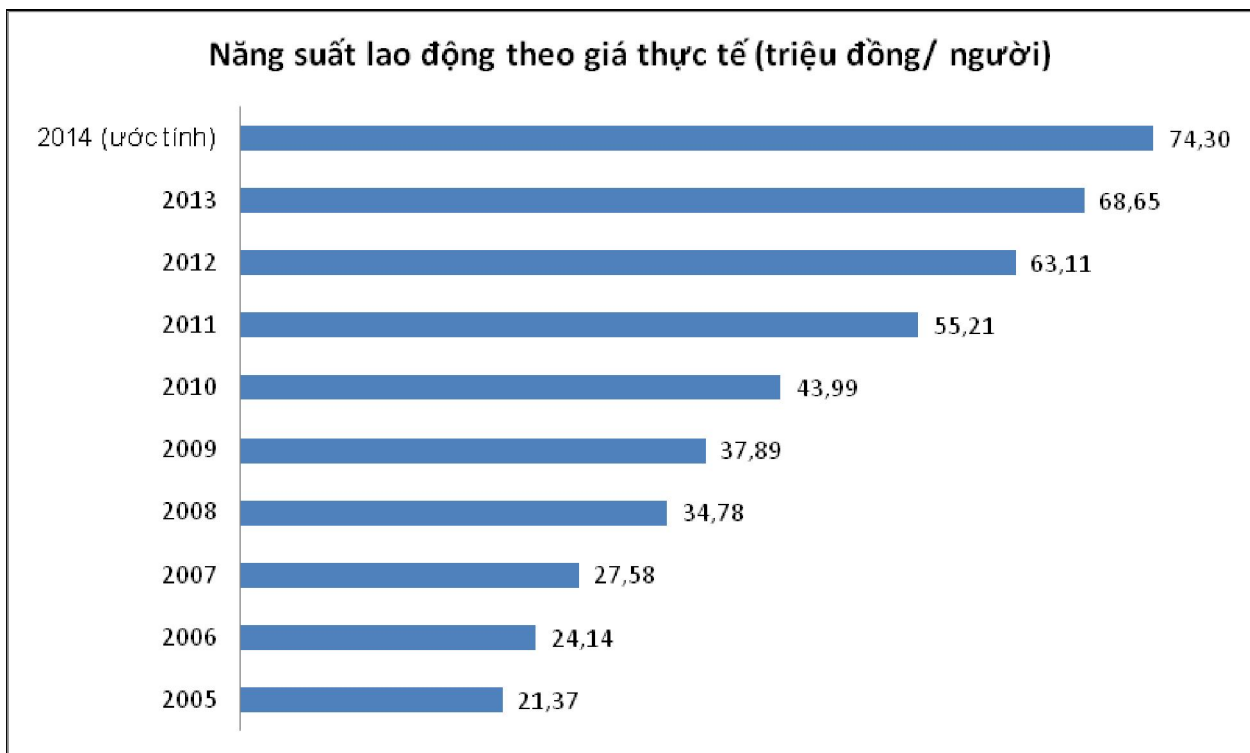
Hình 1. Số lượng lao động qua đào tạo có trình độ chuyên môn kỹ thuật (Quý 2, 3/2015)

(Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Theo nghiên cứu của tổ chức lao động thế giới (ILO) thực hiện vào năm 2013 thì Việt Nam có lợi thế lớn nhất là lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Chất lượng lao động từng bước được nâng lên; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 30% lên 40% trong vòng 10 năm trở lại đây, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 30%. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp nên tỷ lệ lao động tham gia vào thị trường lao động chính thức còn thấp, đạt khoảng 30%; khoảng 45% lao động trong lĩnh vực nông nghiệp hầu như chưa qua đào tạo. Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp và có khoảng cách khá lớn so với các nước trong khu vực. Ngân hàng Thế giới đánh giá nếu lấy thang điểm là 10 thì chất lượng nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79

điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á. Những hạn chế, yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Về yếu tố năng suất lao động của Việt Nam: Năng suất lao động là một trong những yếu tố quan trọng tác động tới năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu, phát triển của khoa học công nghệ và nền kinh tế tri thức hiện nay. Năng suất lao động của toàn xã hội năm 2014 theo giá thực tế ước đạt được 74,3 triệu đồng trên một lao động, tính theo giá so sánh năm 2010 là 50,84 triệu đồng. Số liệu cho thấy, từ năm 2006 đến nay, năng suất lao động hàng năm đều tăng so với năm trước, với tỷ lệ tăng bình quân khoảng 3,5%/năm. Nhìn chung, năng suất lao động có xu hướng tăng dần một cách ổn định.



Hình 2. Năng suất lao động theo giá thực tế (triệu đồng/người)
(Nguồn: Báo cáo năng suất Việt Nam 2014, Viện Năng suất Việt Nam VNPI)

Mặc dù có nhiều cải thiện đáng kể nhưng so với các nước trong khu vực thì năng suất lao động của Việt Nam vẫn còn khoảng cách khá xa. Theo nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế, năm 2007 năng suất lao động của Việt

Nam đạt 4.322 USD/người, đến năm 2010 đạt 4.896 USD/người và đến năm 2013 đạt 5.440 USD/người, tăng 25,86% so với năm 2007 và tăng 11,11% so với năm 2010. Năm 2013 năng suất lao động của Singapore gấp 18 lần Việt

Nam, năng suất lao động của Nhật Bản gấp 12 lần Việt Nam, Hàn Quốc gấp 10,7 lần và Thái Lan gấp 2,7 lần Việt Nam. Như vậy, có thể nhận thấy năng suất lao động của Việt Nam đã

có sự cải thiện đáng kể, nhưng vì khoảng cách khá xa so với các nước phát triển nên Việt Nam cần có nhiều nỗ lực hơn nữa trong nâng cao năng suất lao động.

Bảng 3. Năng suất lao động theo sức mua tương đương giá cố định 2005

DVT: USD/người

Quốc gia	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Singapore	92.260	90.987	88.751	97.151	98.755	96.573	98.072
Nhật Bản	63.245	62.746	60.055	62.681	63.018	64.351	65.511
Hàn Quốc	52.314	53.226	53.514	56.106	57.127	57.262	58.298
Malaysia	31.907	32.868	31.899	33.344	34.056	35.018	35.751
Trung Quốc	9.227	10.119	11.008	12.092	13.093	14.003	14.895
Thái Lan	12.994	13.025	12.922	13.813	13.666	14.446	14.754
Philippin	8.841	8.920	8.795	9.152	9.168	9.571	10.026
Indonesia	7.952	8.235	8.439	8.763	9.130	9.486	9.848
Ấn Độ	6.746	7.021	7.596	8.359	8.832	9.073	9.307
Việt Nam	4.322	4.516	4.669	4.896	5.082	5.239	5.440
Lào	4.029	4.216	4.399	4.636	4.865	5.115	5.396
Camphuchia	3.333	3.427	3.334	3.460	3.619	3.797	3.989

(Nguồn: ADB- ILO, ASEAN Community 2015 - Managing intergration for better jobs and shared prosperity)

Chất lượng lao động Việt Nam không cao, đào tạo không đúng nhu cầu của doanh nghiệp, chủ yếu lao động thủ công. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới vấn đề thu hút đầu tư. Ngoài ra, lao động Việt Nam được cho là rất hạn chế về ngoại ngữ cùng các kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; nhân sự cao cấp so với các nước trong khu vực vẫn còn khoảng cách khá lớn và đang rất thiếu những nhà quản lý doanh nghiệp Việt tài giỏi đủ sức cạnh tranh tại các thị trường khu vực. Đội ngũ lao động được đào tạo nghề trong những năm qua phần lớn chỉ được chú trọng vào đào tạo chuyên môn cứng, hạn chế khả năng làm việc độc lập trong khu vực kinh tế hội nhập mà đang cần các kỹ năng toàn diện hơn. Theo kết quả khảo sát nghiên cứu vào năm 2014 giữa Viện Khoa học Lao động và Xã hội với Tập đoàn Manpower tại 6.000 doanh nghiệp thuộc chín lĩnh vực kinh tế tại 9 tỉnh thành ở Việt Nam cho thấy, có đến một phần tư doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng lao động thiếu hiểu biết về công nghệ và khả năng sáng tạo, 1/5 nhận xét

lao động thiếu khả năng thích nghi với công nghệ mới, 1/3 doanh nghiệp không tìm được lao động có kỹ năng mà họ cần. Những hạn chế, những yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (năm 2011 Việt Nam xếp thứ 65/141 nước xếp hạng, nhưng đến năm 2014 xếp thứ 70/148 nước xếp hạng).

3.3. Những vấn đề đặt ra đối với lực lượng lao động Việt Nam trước yêu cầu hội nhập của AEC

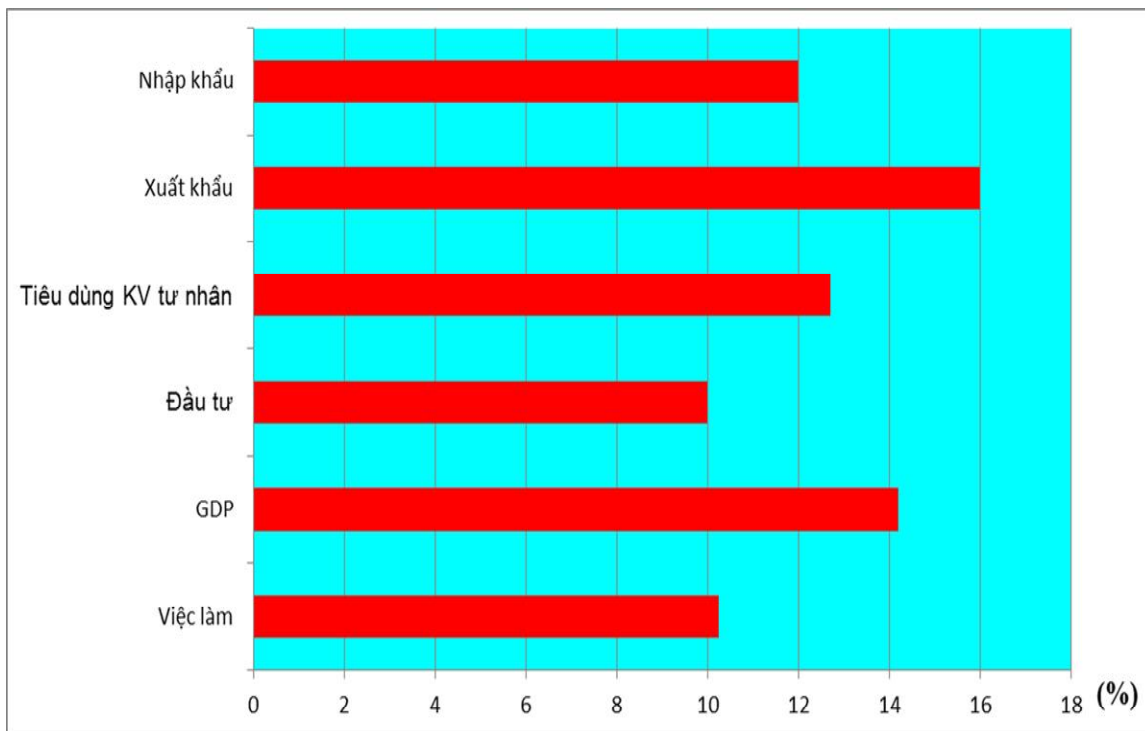
Việc Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và tạo nhiều cơ hội việc làm cho người lao động nói riêng. Theo nghiên cứu của ILO và ADB với đề tài “Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hội nhập hướng tới việc làm tốt hơn và thịnh vượng chung” được công bố tại Hà Nội tháng 9/2014 cho thấy trên quy mô tổng thể, hội nhập kinh tế sẽ giúp tạo thêm 14 triệu việc làm ở khu vực ASEAN và cải thiện đời sống của 600

triệu người dân hiện sinh sống trong khu vực nhưng điều này chỉ có thể đạt được nếu có được sự quản lý hợp lý và quyết liệt để thực thi một cách hiệu quả.

Cộng đồng kinh tế ASEAN tạo ra tiềm năng lớn để các nước có thể chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành có năng suất lao động thấp sang các ngành có năng suất lao động cao. Với lợi thế lực lượng lao động có trình độ giáo dục và kỹ năng làm việc, Việt Nam có thể là một trong những quốc gia được hưởng lợi nhiều từ quá trình này. AEC sẽ cho phép các lao động có tay nghề cao, dịch vụ, đầu tư và hàng hóa của 10 quốc gia thành viên của ASEAN được di chuyển tự do hơn trong khu vực và lao

động Việt Nam có cơ hội làm việc tại các thị trường năng động của khu vực như Singapore, Thái Lan.

AEC giúp lao động Việt Nam có cơ hội tìm kiếm nhiều việc làm hơn với mức lương cao hơn ở các nước trong khu vực khi mà vấn đề tự do hóa lao động và tự do hóa ở một số ngành nghề đã được AEC đề cập. Các nước Singapore, Malaysia và Thái Lan được cho là đang bước vào giai đoạn phát triển cao hơn, nhu cầu về lao động kỹ năng cao đang tăng trong khi nguồn cung lại chưa được đáp ứng. Đây là một yếu tố tốt đối với lao động ở các nước phát triển kém hơn, có thu nhập kém hơn như Việt Nam.



Hình 3. Thay đổi các chỉ tiêu kinh tế và thị trường việc làm ở Việt Nam khi hội nhập AEC, so với bối cảnh không hội nhập, năm 2025 (%)

Nguồn: Nghiên cứu của ILO và ADB với chủ đề “Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hội nhập hướng tới việc làm tốt hơn và thịnh vượng chung” được công bố tại Hà Nội vào 4/9/2014

Theo Nghiên cứu về tác động của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đối với thị trường lao động Việt Nam của Tổ chức lao động quốc tế (ILO), ADB và Ban Thư ký ASEAN, đến năm 2025, AEC sẽ hỗ trợ thúc

đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam thêm 14,5% và tăng trưởng việc làm thêm 10,5%, hàng triệu việc làm mới trong các lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, dệt may và chế biến thực phẩm... cho người lao động Việt

Nam.AEC sẽ thực hiện tự do luân chuyển năm yếu tố căn bản: vốn, hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động lành nghề. Sự tự do này vừa là cơ hội song cũng là thách thức không nhỏ khi một lượng lớn lao động từ các nước AEC vào Việt Nam, tạo nên cuộc cạnh tranh với lao động trong nước. Ngoài ra, khi tham gia AEC, bên cạnh việc có kỹ năng nghề nghiệp giỏi, người lao động còn cần có ngoại ngữ và các kỹ năng mềm khác để có cơ hội tham gia làm việc tại các quốc gia của AEC. Đây cũng là thách thức không nhỏ đối với lao động Việt Nam.

Cùng với nhu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp trong đổi mới dây chuyền công nghệ, thiết bị sản xuất cũng như trình độ quản trị, họ sẽ có nhu cầu sử dụng nguồn lao động chất lượng cao ngày càng nhiều. Trong khi phân khúc lao động chất lượng cao của Việt Nam đang bộc lộ nhiều điểm yếu, tính cạnh tranh không cao, thì ngược lại đây đang là điểm mạnh của nhiều thị trường trong khu vực, do lao động của họ có tay nghề, ý thức kỷ luật lao động cao, trình độ ngoại ngữ tốt. Điều này đồng nghĩa với việc, nếu không sớm có giải pháp nâng cao chất lượng thì nguy cơ thị trường lao động Việt Nam khó có khả năng cạnh tranh ngay ở trong nước, nhất là ở phân khúc thị trường lao động chất lượng cao.

Ngoài ra, do xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp nên tỷ lệ lao động tham gia vào thị trường lao động chính thức còn thấp, đạt khoảng 30%. Chất lượng và cơ cấu lao động vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển và hội nhập. Trên 50% lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, chất lượng nguồn nhân lực nước ta còn thấp nên khó có thể đảm nhận những công việc có trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ mà các nước yêu cầu. Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp và có khoảng cách khá lớn so với các nước trong khu vực. Ngân hàng Thế giới đánh giá nếu lấy thang điểm là 10 thì chất lượng nhân

lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á. Những hạn chế, yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

IV. KẾT LUẬN

Khi AEC được thành lập sẽ đặt ra nhiều vấn đề đối với lực lượng lao động Việt Nam. Do đó, để tận dụng những cơ hội có được từ AEC và nâng cao năng suất lao động của Việt Nam nhằm đáp ứng được những yêu cầu đặt ra từ AEC, một số đề xuất khuyến nghị như sau:

Việt Nam cần dành sự đầu tư lớn hơn để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vì đây là yếu tố then chốt đưa Việt Nam vượt khỏi ngưỡng nước có thu nhập trung bình trong những năm tới. Đầu tư mạnh mẽ cho phát triển lực lượng lao động có kỹ năng thông qua nâng cao chất lượng đào tạo nghề, cùng với cơ chế, chính sách sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của dạy nghề trong chiến lược phát triển nhân lực của đất nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dạy nghề, học nghề; Đổi mới cơ cấu hệ thống dạy nghề trên cơ sở khung trình độ quốc gia, tiêu chuẩn kỹ năng nghề phù hợp với đất nước, xu thế các nước trong khu vực và trên thế giới; gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, nhất là với những nước thành công trong phát triển đào tạo ở khu vực ASEAN và trên thế giới. Tích cực vận động, thu hút nguồn viện trợ phát triển chính thức ODA cho đào tạo. Hợp tác với các nước ASEAN để tiến tới công nhận kỹ năng nghề giữa các nước, hướng tới Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, tích cực tham gia vào các hoạt động của khu vực và thế giới để giao lưu và học hỏi kinh nghiệm, như tham gia Hội thi tay nghề ASEAN, Hội thi tay nghề thế giới...

Đối với người lao động cần thay đổi tư duy

và tầm nhìn trong quá trình chọn nghề và tham gia các chương trình đào tạo theo hướng đủ khả năng tham gia các thị trường lao động khu vực và quốc tế, chứ không dừng lại ở thị trường Việt Nam. Điều này trước hết là sẽ mang lại lợi ích lớn cho người lao động, vì với trình độ và năng lực cao, họ có nhiều cơ hội lựa chọn cơ hội việc làm với mức lương cao hơn, đồng thời góp phần dần cải thiện chất lượng cạnh tranh cho phân khúc lao động chất lượng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB & ILO (2014). ASEAN Community 2015:

Managing integration for better jobs and shared prosperity.

2. Viện năng suất Việt Nam VNPI (2014). Báo cáo năng suất lao động Việt Nam năm 2014.

3. Nguyễn Tiến Dũng (2015). Lao động Việt Nam trước nguy cơ thất nghiệp khi tham gia TPP - <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/lao-dong-viet-nam-truoc-nguy-co-that-nghiep-khi-tham-gia-tpp-3308840.html>

4. Nguyễn Bá Ngọc, Phạm Minh Thu (2014). Năng suất lao động ở Việt Nam nhìn từ góc độ cơ cấu lao động và kỹ năng. Viện Khoa học Lao động và xã hội.

5. Bùi Thị Minh Tiếp (2015). Nguồn nhân lực của các nước ASEAN và những tham chiếu cho Việt Nam trước thềm hội nhập AEC. *Tạp chí Kinh tế & phát triển* số tháng 2/2015.

VIET NAM'S LABOR BEFORE THE REQUIREMENT OF ASEAN ECONOMICS COMMUNITY

Tran Van Hung

Vietnam National University of Forestry – Southern Campus

SUMMARY

Asean Economics Community has been established. They will be open many opportunities for industries which are developed. Among them, there many opportunities for VietNam's labor who can fine jobs. Base on secondary datas which were collected from organs, the article deal with Asean Economics Community when they were established and content of the mutual recognition of the profession in the region. The article based on the identification, assessment on the status of labor resources of Vietnam showed that previous AEC integration requirements: Vietnam workforce plentiful but uneven distribution, qualifications and labor productivity remains low compared with other countries in the region. Since then, the article proposes some recommendations contribute to improving employment opportunities and the ability to meet the requirements of the labor integration of Vietnam.

Keywords: Asean Economics Community, economic integration, labor requirements, Viet Nam.

Ngày nhận bài : 12/6/2016

Ngày phản biện : 20/12/2016

Ngày quyết định đăng : 10/01/2017